TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 73/2019/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 11 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 40/2019/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Nguyễn Hữu Trâm A, sinh năm 1980; Địa chỉ: 1/128 T, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Anh Nguyễn Bá C, sinh năm 1972; Địa chỉ: 1/128 T, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Bá C và chị Nguyễn Hữu Trâm Anh đã thật sự trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau**:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Bá C và chị Nguyễn Hữu Trâm A thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Bá C, chị Nguyễn Hữu Trâm A xác nhận có 03 con chung là Nguyễn Dạ Thảo N, sinh ngày 01/07/2001; Nguyễn Dạ Thảo T, sinh ngày 05/12/2004; Nguyễn Bá Phước N, sinh ngày 30/8/2013. Các đương sự thỏa thuận giao con chung là cháu Nguyễn Dạ Thảo N cho anh Nguyễn Bá C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành. Cũng phù hợp với nguyện vọng

của cháu N. Anh C không yêu cầu chị Trâm A cấp dưỡng tiền nuôi con.

Giao cháu Nguyễn Dạ Thảo T và cháu Nguyễn Bá Phước N cho chị Nguyễn Hữu Trâm A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành. Cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Thảo T. Hiện con chung đang ở với anh Cường, chị Trâm A. Anh Nguyễn Bá C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung một tháng 2.000.000 đồng (cháu Thảo T, cháu Phước N mỗi cháu 1.000.000 đồng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Bá C và chị Nguyễn Hữu Trâm A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung**:** Anh Nguyễn Bá C và chị Nguyễn Hữu Trâm A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Bá C và chị Nguyễn Hữu Trâm A mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh C và chị Trâm A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/007633 ngày 21 tháng 01 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Anh Nguyễn Bá C và chị Nguyễn Hữu Trâm A đã nộp đủ, nay không phải nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Trương Thị Đào Vi

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TT.Huế;*
- *VKSND TP. H;*
- *Chi cục THADS TP H;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường Tây Lộc, TP.H (ĐKKH số 105 ngày 29.8.2000);*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu dán án.*